TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST - HNGĐ	*Trà Cú, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng Đ, sinh năm 1996;

Nơi ĐKHKTT: ấp C, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Số nhà 365, đường 3/2, khóm B, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Kim T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp G, xã LH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng Đ và anh Kim T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Võ Thị Hồng Đ và anh Kim T thỏa thuận thống nhất như sau: Anh Thắng tự nguyện giao con chung tên Kim Thị HM, sinh ngày 23/11/2016 cho chị Võ Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị Hồng Đ phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*, tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0019376 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả cho chị Đ tiền tạm ứng án phí còn thừa 225.000đ *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0019376 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Anh Kim T không phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm do thuộc đối tượng được miễn nộp toàn bộ tiền án phí điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THA huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha